

CHƯƠNG III

PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ

✧ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU:

cuu duong than cong. com

- ❖ **PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**
- ❖ **PHÁP LUẬT VỀ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ**

cuu duong than cong. com

❖ PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

● Các nội dung nghiên cứu:

- **Khái niệm DNTN**
- **Đặc điểm DNTN**
- **Quy chế pháp lý về thành lập và chấm dứt hoạt động của DNTN**
- **Quyền và nghĩa vụ cơ bản của DNTN**

■ Khái niệm DNTN

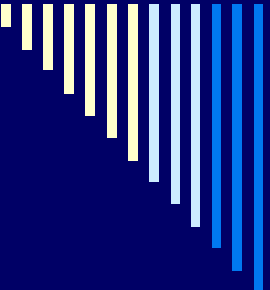
- Trước thời kỳ đổi mới (ĐHVI), NN chỉ công nhận hai chế độ sở hữu, tương ứng là hai thành phần kinh tế và với hai loại hình DN tương ứng.
- Từ ĐHVI công nhận chế độ sở hữu tư nhân, các thành phần kinh tế, các loại hình DN đại diện cho hình thức sở hữu này ra đời khá muộn, nhưng chúng ngày càng được củng cố và mở rộng, giữ vị trí ngày càng quan trọng.
- Sau ĐHVI, cùng với các nghị quyết của Đảng, NN đã ban hành hàng loạt các VBPL tạo khung pháp lý cho sự phát triển của kinh tế tư nhân nói chung và DNTN nói riêng.

■ Khái niệm DNTN (tt)

- ♦ Nghị định số 27/HĐBT-1998 đã cho phép các cá thể KD đạt mức lợi nhuận cao được mở rộng để trở thành DNTN hoặc kết hợp với nhau thành công ty tư doanh.
- ♦ Đ1 LDNTN1990 quy định: “NN công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của DNTN, thừa nhận sự bình đẳng trước PL với các DN khác”.
- ♦ HP92 ghi nhận: “NN thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền KTĐT. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần với các hình thức tổ chức SXKD đa dạng dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân...” (Đ15HP92).
- ♦ “... các thành phần kinh tế gồm kinh tế NN, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản NN và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài dưới nhiều hình thức...” (Đ16 HP92)

■ Khái niệm DNTN (tt)

- ♦ LDN1999 là một bước đột phá trong quá trình hoàn thiện khung PL về các loại hình DN. LDN1999 đã bổ sung và cơ cấu lại các quy định về DNTN ở mọi phương diện, từ cơ cấu tổ chức, trình tự thành lập, các quyền và nghĩa vụ cơ bản
- ♦ Để phù hợp và chuẩn bị cho lộ trình hội nhập quốc tế, cũng như tạo ra sự bình đẳng của các loại hình DN, QH đã thông qua LDN2005 thay thế cho LDN1999, LDNNN2003, LĐTNN1996. LDN2005 thể hiện thống nhất trong việc điều chỉnh pháp luật đối với các loại hình DN.



■ Khái niệm DNTN (tt)

- ♦ **Đ99 LDN1999: “DNTN là DN do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DN”.**
- ♦ **Đ4 LDN2005: “DN là TCKT có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được ĐKKD nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh”.**

cuuduongthancong.com

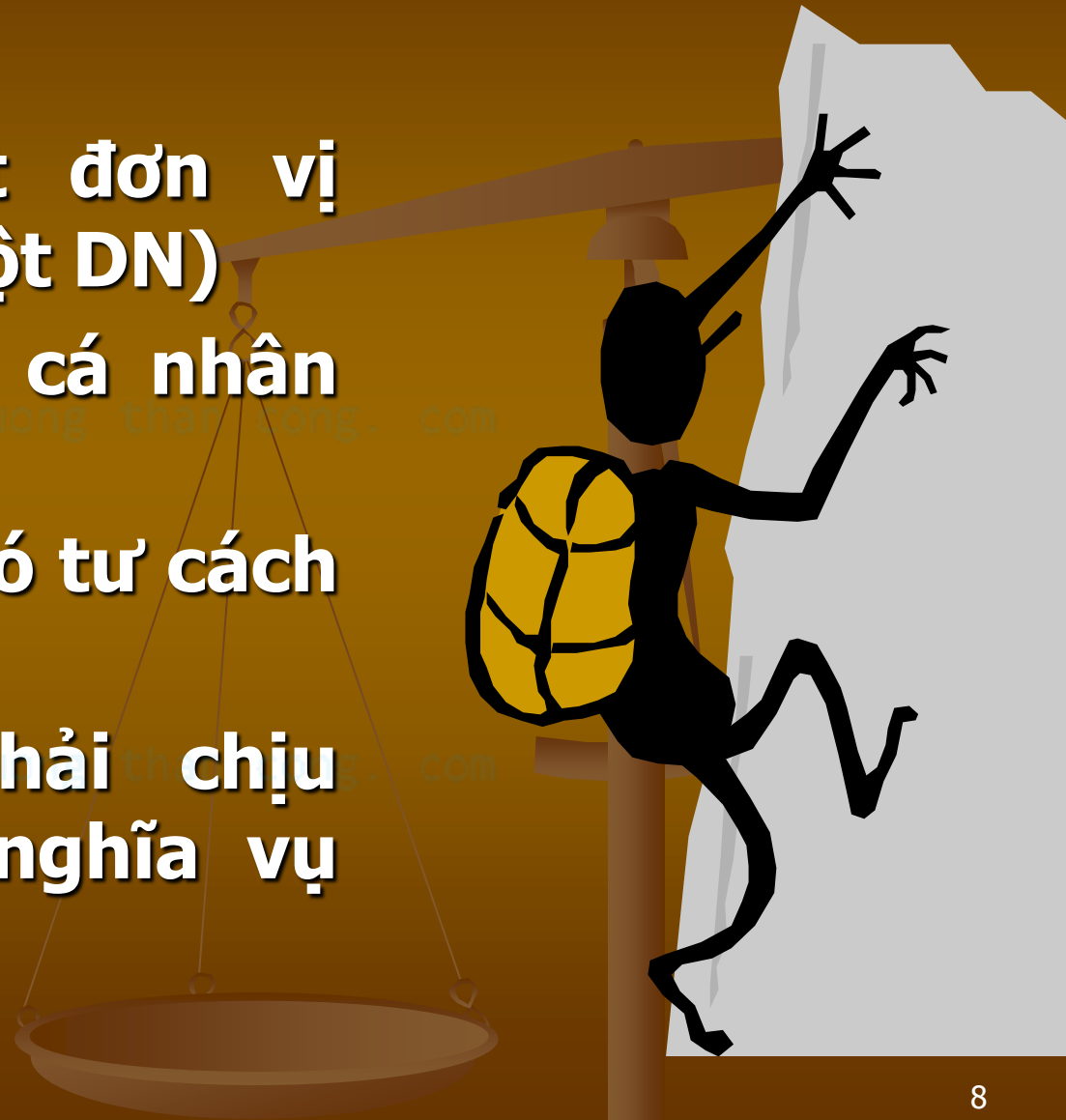
■ Khái niệm DNTN (tt)

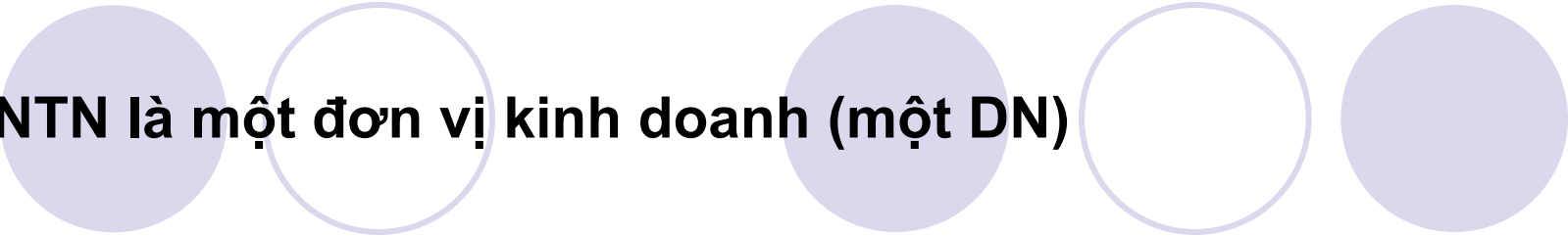
- ◆ **Đ141 LDN2005:** “DNTN là DN do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của DN; DNTN không được phát hành bất kỳ một loại chứng khoán nào; mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một DNTN”.



■ Đặc điểm DNTN

- ◆ DNTN là một đơn vị kinh doanh (một DN)
- ◆ DNTN do một cá nhân làm chủ
- ◆ DNTN không có tư cách pháp nhân
- ◆ Chủ DNTN phải chịu TNVH về các nghĩa vụ của DN





♦ DNTN là một đơn vị kinh doanh (một DN)

- ♦ DNTN có thể có nhiều nhà máy, phân xưởng, CN, VPĐD,... nhưng tất cả đều phải thuộc DN và chỉ DN mới được coi là đơn vị kinh doanh.
- ♦ Về bản chất pháp lý, DNTN và hộ KDCT có rất ít điểm khác nhau. Cả hai chủ thể này đều là một chủ duy nhất và đều phải chịu TNVH. Sự khác nhau cơ bản là quy mô. Sự phân chia này có ý nghĩa trong việc QLNN.

cuu duong than cong. com

♦ DNTN do một cá nhân làm chủ

- ♦ *Về quan hệ sở hữu vốn trong DN*

Nguồn vốn của DN là vốn của một cá nhân mà cá nhân đó đưa vào KD. Tài sản đưa vào KD là tài sản của DN. Nhưng không có sự phân biệt giữa tài sản của DN với phần tài sản còn lại của chủ DN.

- ♦ *Quan hệ sở hữu quyết định quan hệ quản lý*

Chủ DN là người đại diện theo PL, có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động. Chủ DN có thể tự mình hoặc thuê người khác quản lý điều hành. Nếu thuê người quản lý thì chủ DN vẫn là người chịu trách nhiệm.

- ♦ *Vấn đề phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thu được thuộc về duy nhất chủ DN. Người được DN thuê quản lý không có quyền yêu cầu phân chia lợi nhuận. Khi DN bị thua lỗ thì cũng chỉ có một mình chủ DN phải gánh chịu.

◆ DNTN không có tư cách pháp nhân

- ◆ Theo LDN2005, thì DNTN là loại DN duy nhất không có tư cách pháp nhân. Trước đây, LDN1999 không quy định tư cách pháp nhân cho DNTN và CTHD vì lý do chủ yếu là không có sự tách bạch tài sản DN với phần tài sản còn lại của chủ sở hữu.
- ◆ Theo BLDS2005, một tổ chức được coi là có tư cách pháp nhân phải thỏa mãn đồng thời bốn điều kiện, trong đó có một điều kiện rất quan trọng, là phải có tài sản độc lập với các tổ chức và cá nhân khác. Tài sản của DNTN không có sự tách bạch (độc lập) với tài sản còn lại của chủ DN. Do đó, DNTN không có tư cách pháp nhân.

◆ Chủ DNTN phải chịu TNVH về các nghĩa vụ của DN

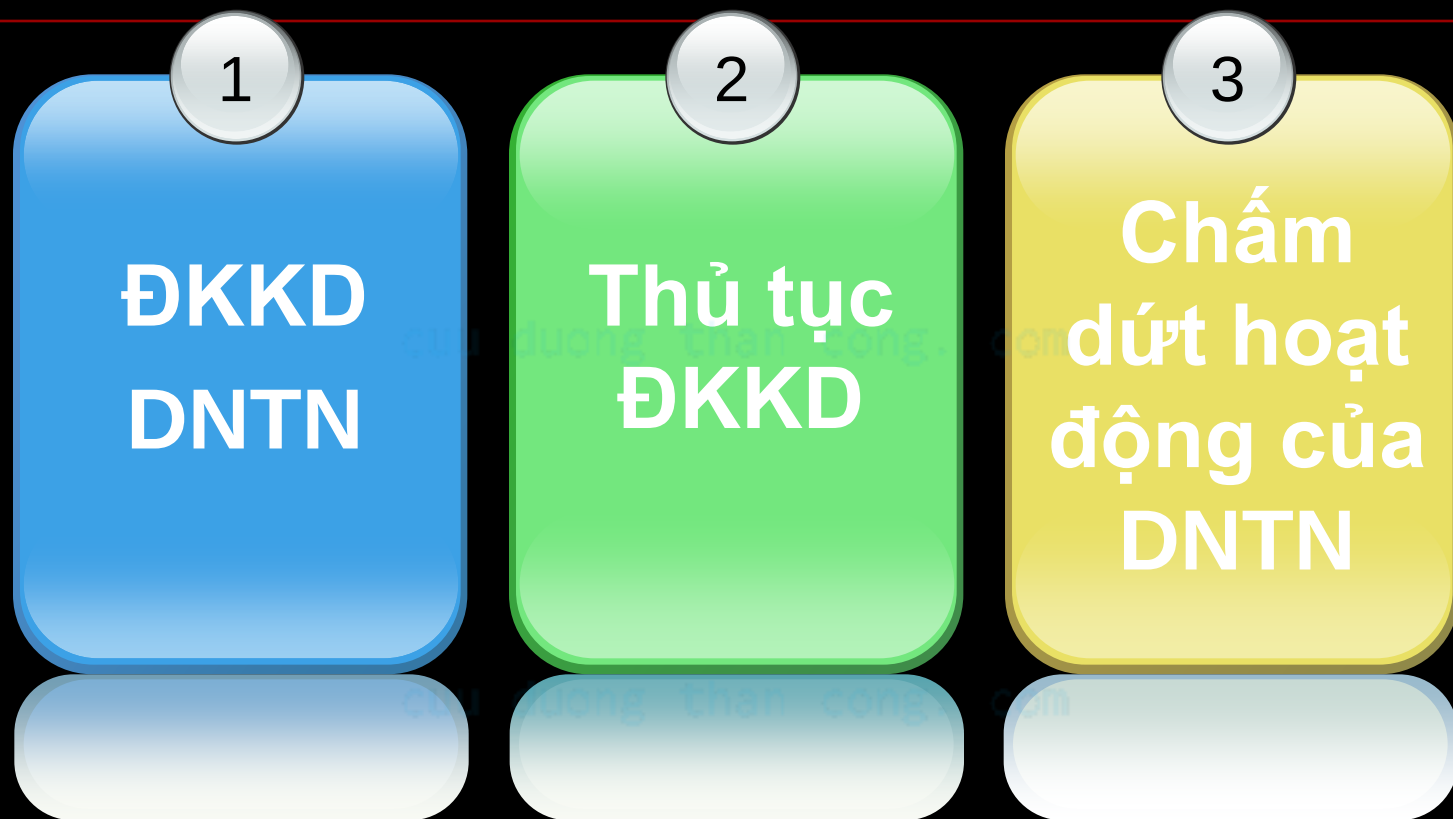
- ◆ DNTN không có cách pháp nhân, bởi vì không có sự độc lập về mặt tài sản, DN không có tư cách pháp lý chủ thể độc lập. Nên chủ sở hữu phải chịu TNVH về mọi khoản nợ phát sinh từ hoạt động của DN. Chủ DN không chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ trong phạm vi số vốn đã đăng ký mà phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình, kể cả khi DN bị phá sản.
- ◆ Do DN không có tư cách chủ thể pháp lý độc lập và chủ DN phải chịu TNVH, nên DNTN không được phát hành bất cứ một loại chứng khoán nào và chủ DN chỉ được thành lập một DN duy nhất.

■ Quy chế pháp lý về thành lập và chấm dứt hoạt động của DNTN

- ◆ ĐKKD DNTN
- ◆ Thủ tục ĐKKD
- ◆ Chấm dứt hoạt động của DNTN

cuu duong than cong. com

Quy chế pháp lý về thành lập và chấm dứt hoạt động của DNTN



**Quyền
và nghĩa vụ
cơ bản
của DNTN**

**Quyền
của
DNTN**

**Nghĩa vụ
của chủ
DNTN**

◆ Quyền của DNTN

Đ8 LDN2005 quy định quyền của các loại hình DN nói chung. Ngoài những quyền chung nêu trên, DNTN còn có những quyền đặc thù được pháp luật quy định cho chủ DN:

- ◆ **Quyền cho thuê DNTN (Đ144)**
- ◆ **Quyền bán DN trách nhiệm (Đ145)**
- ◆ **Quyền tạm ngừng hoạt động kinh doanh**
- ◆ **Quyền về vốn đầu tư**
- ◆ **Quyền quản lý DN**

◆ Quyền cho thuê DNTN (Đ144)

Chủ DN có quyền cho người khác thuê DN nhưng phải báo cáo với CQĐKKD, cơ quan thuế. Trong thời hạn cho thuê, chủ DN vẫn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hoạt động của DN. Quyền và trách nhiệm của chủ DN và người thuê được thể hiện trong hợp đồng thuê.

cuu duong than cong . com

◆ **Quyền bán DNTN (Đ145)**

- **Chủ DNTN có quyền bán DN. Trước thời điểm chuyển giao DN 15 ngày, phải thông báo cho CQĐKKD.**
- **Sau khi bán, chủ DN vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của DN đã phát sinh trước khi bán, trừ trường hợp người bán, người mua và chủ nợ có thỏa thuận khác.**
- **Người bán và người mua phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động.**
- **Sau khi mua, người mua phải làm thủ tục đăng ký lại.**

◆ Quyền quản lý DN

- Chủ DN có toàn quyền đối với mọi hoạt động của DN.
- Chủ DN có thể trực tiếp quản lý hoặc thuê người khác quản lý, trường hợp việc thuê GĐ thì phải đăng ký.
- Chủ DN là người đại diện, là nguyên đơn, bị đơn, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trước pháp luật.



Các quyền khác của DNTN

- ◆ Quyền tạm ngừng hoạt động kinh doanh
- ◆ Quyền về vốn đầu tư

Vốn đầu tư do chủ DN tự đăng ký. Trong quá trình hoạt động có quyền tăng hoặc giảm vốn mà không phải đăng ký, trừ trường hợp việc giảm vốn xuống mức thấp hơn mức vốn đã đăng ký.

◆ Nghĩa vụ của chủ DNTN

- Nghĩa vụ của các loại hình DN được quy định chung tại Đ9 LDN2005, trong đó có các DNTN.
- Việc luật hóa các nghĩa vụ của DN đã được quy định từ LDNTN1990, sau đó là LDN1999 và LDN2005.
- Việc quy định nghĩa vụ của DN ngày càng đầy đủ và chặt chẽ hơn, hạn chế các biện pháp hành chính và trao quyền tự chủ nhiều hơn.

❖ PHÁP LUẬT VỀ HỘ KINH DOANH CÁ THỂ

● Các vấn đề nghiên cứu:

- Khái niệm hộ kinh doanh cá thể
- Đặc điểm của hộ kinh doanh
- ĐKKD của hộ kinh doanh

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

■ Khái niệm hộ kinh doanh cá thể

- ♦ Hộ kinh doanh cá thể có lịch sử tồn tại lâu đời. Đặc điểm của loại hình này là quy mô nhỏ, thường do một hoặc một số người làm chủ và thường gắn liền với hoạt động của hộ gia đình.
- ♦ Trong cơ chế KTKHHTT NN không thừa nhận loại hình này nên không có điều chỉnh bằng pháp luật. Trong điều kiện cơ chế KTTT, HĐSXKD đa dạng, việc quy định hoạt động cho hộ kinh doanh cá thể là cần thiết.

- Khái niệm hộ kinh doanh cá thể (HKDCT)
- ♦ **HKDCT có lịch sử tồn tại lâu đời. Đặc điểm của loại hình này là quy mô nhỏ, thường do một hoặc một số người làm chủ và thường gắn liền với hoạt động của hộ gia đình.**
- ♦ **Trong cơ chế KTKHHTT NN không thừa nhận loại hình này nên không có điều chỉnh bằng pháp luật. Trong điều kiện cơ chế KTTT, HĐSXKD đa dạng, việc quy định hoạt động cho HKDCT là cần thiết.**

cuu duong than cong. com

■ Khái niệm hộ kinh doanh cá thể (tt)

- ♦ “HKDCT do một cá nhân hoặc hộ gia đình làm chủ, KD tại một địa điểm cố định, không thường xuyên thuê lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình” (Đ17 Nghị định 02/2000/NĐ-CP về ĐKKD).
- ♦ Trước Nghị định 02/2000/NĐ-CP, những người kinh doanh theo HKDCT được điều chỉnh bởi Nghị định 66/HĐBT ngày 2/3/1992 về cá nhân kinh doanh và Nghị định 221/HĐBT về nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định ngày 23/7/1991. Đặc điểm của CTKD này là có quy mô nhỏ, chịu TNVH về các khoản nợ, số thành viên có thể là 1 hoặc có sự liên kết từ 2 thành viên trở lên. Đặc điểm của dạng chủ thể này giống đặc điểm của chủ thể DNTN, nhất là trường hợp cá nhân kinh doanh.

■ Khái niệm hộ kinh doanh cá thể (tt)

- ♦ Trước khi LDN1999 ra đời, thì sự phân biệt giữa cá nhân kinh doanh và nhóm kinh doanh với DNTN chủ yếu ở quy định về vốn pháp định của DNTN. Luật DNTN 1990 quy định DNTN phải có vốn pháp định khi ĐKKD, và điều kiện này lại không đặt ra đối với cá nhân kinh doanh và nhóm kinh doanh.
- ♦ Đến LDN1999 và sau đó là LDN2005, điều kiện về vốn pháp định lãi được bãi bỏ đối với DNTN (trừ một số trường hợp nhất định). Điều này dẫn tới ranh giới phân biệt giữa DNTN với cá nhân kinh doanh và nhóm kinh doanh không tồn tại nữa.
- ♦ LDN1999 và các văn bản hướng dẫn đã làm một số văn bản trước đó quy định về cá nhân kinh doanh và nhóm kinh doanh hết hiệu lực. Nghị định 02/2000/NĐ-CP không còn nhắc đến cá nhân kinh doanh hay nhóm kinh doanh nữa mà thay vào đó là HKDCT.

■ Khái niệm hộ kinh doanh cá thể (tt)

- ♦ HKDCT không thể hiểu là một nhóm kinh doanh như bản chất của nhóm kinh doanh trước đây, bởi HKDCT chỉ chấp nhận chủ đầu tư là một cá nhân duy nhất hoặc một hộ gia đình.
- ♦ HKDCT theo Nghị định 02/2000/NĐ-CP không bao gồm các hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp. Những người này không bắt buộc phải ĐKKD.
- ♦ Quy định này phân chia HĐKD do một cá nhân hoặc hộ gia đình làm chủ thành 3 loại dựa trên quy mô: DNTN; HKDCT; các đối tượng có tính chất giống HKDCT nhưng không phải ĐKKD.

■ Khái niệm hộ kinh doanh cá thể

- ◀ (tt) Nghị định 109/2004/NĐ-CP về ĐKKD thay thế Nghị định 02/2000/NĐ-CP đã đưa ra một định nghĩa mới về HKDCT: "HKDCT do một cá nhân hoặc hộ gia đình làm chủ, chỉ được ĐKKD tại một địa điểm, sử dụng không quá 10 lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình".
- ♦ Điểm khác cơ bản của Nghị định 109 so với Nghị định 02, là đã đưa ra một tiêu chí định lượng trong việc sử dụng lao động của HKDCT nhằm phân biệt với các loại hình kinh doanh khác. Nếu HKDCT sử dụng quá 10 lao động, thì pháp luật yêu cầu phải chuyển thành DN.

- **Khái niệm hộ kinh doanh cá thể (tt)**
- ♦ **Theo Nghị định 88/2006/NĐ-CP thì: "HKD do một cá nhân là CDVN hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được ĐKKD tại một địa điểm, sử dụng không quá 10 lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình".**
- ♦ **Theo quy định hiện hành thì tên gọi của loại hình kinh doanh này được điều chỉnh theo hướng ngắn gọn hơn còn phạm vi chủ thể tham gia được mở rộng trở lại như quy định trước Nghị định 02/2000/NĐ-CP, tức là bao gồm cá nhân, nhóm người và hộ gia đình.**

■ Đặc điểm của hộ kinh doanh

- ◆ **Hộ kinh doanh do một cá nhân, một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ**
- ◆ **Hộ kinh doanh thường tồn tại với quy mô nhỏ hẹp**
- ◆ **Chủ hộ kinh doanh chịu TNVH trong hoạt động kinh doanh**

◆ Hộ kinh doanh do một cá nhân, một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ

- Vốn kinh doanh của HKD là vốn của một cá nhân duy nhất hay vốn chung của hộ gia đình hay vốn đóng góp của một nhóm người.
- Trường hợp, HKD do một cá nhân làm chủ thì cá nhân có quyền quyết định mọi vấn đề. Và đương nhiên chủ hộ có quyền hưởng mọi khoản lợi, chịu mọi nghĩa vụ.
- Trường hợp, HKD là hộ gia đình hay do một nhóm người tạo lập thì HDK phải cử ra người đại diện. Người này sẽ thay mặt HKD thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cả hộ. Người đại diện không chịu trách nhiệm thay cho các thành viên khác. Lợi nhuận cũng như rủi ro sẽ được chia cho các thành viên theo mức mà các bên đã thỏa thuận, thường là dựa trên mức đóng góp tài sản và công sức.

◆ Hộ kinh doanh thường tồn tại với quy mô nhỏ hẹp

- ◆ HKD chỉ có một địa điểm KD, sử dụng không quá 10 lao động và không có con dấu. Đây là quy định hạn chế quy mô của HKD, mà điều này không xảy ra đối với các loại hình DN.
- ◆ HKD chưa phải là loại hình có quy mô nhỏ nhất, mà nó có thể được coi là lớn hơn và ổn định hơn so với các hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp. Những đối tượng này không phải ĐKKD. Dấu hiệu để phân biệt đối tượng này với HKD là mức thu nhập thấp.

◆ Chủ hộ kinh doanh chịu TNVH

- Chủ HKD ở đây được hiểu là cá nhân người đầu tư trong trường hợp do một cá nhân làm chủ hoặc tất cả các thành viên trong nhóm hay hộ gia đình trong trường hợp nhóm kinh doanh hay hộ gia đình.
- Giữa HKD và chủ sở hữu không có sự tách bạch về mặt tài sản, nên nó không tạo ra tư cách chủ thể pháp lý độc lập (không có tư cách pháp nhân).
- Chủ HKD phải chịu TNVH đối với các khoản nợ của HKD.
- Trường hợp, HKD là nhóm kinh doanh hoặc hộ gia đình mà tài sản của hộ không đủ để thanh toán các khoản nợ thì các thành viên phải góp vào để trả phần còn lại tùy theo thỏa thuận trên cơ sở liên đới chịu trách nhiệm.

■ ĐKKD của hộ kinh doanh

- ◆ Điều kiện để ĐKKD
- ◆ Thủ tục ĐKKD

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

◆ Điều kiện để ĐKKD



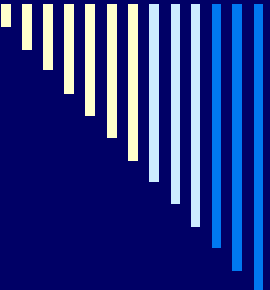
- Để được công nhận là một CTKD thì HKD phải ĐKKD. Khi được cấp GCNĐKKD, HKD được công nhận các quyền và nghĩa vụ trong HĐKD.
- Nghị định 88/2006/NĐ-CP quy định các điều kiện để ĐKKD đối với HKD, bao gồm các điều kiện về chủ thể, về ngành nghề và một số điều kiện khác.

◆ Điều kiện để ĐKKD (tt)

- ◆ Trừ những người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc mất NLHVDS, người đang bị tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề, thì tất cả các công dân từ đủ 18 tuổi, có NLHVDS đầy đủ, các HGD đều có quyền ĐKKD. Đối với lĩnh vực phải có giấy phép thì chủ thể phải tuân theo quy định đó. Mỗi cá nhân, HGD chỉ được ĐKKD một HKD.
- ◆ Về điều kiện ngành nghề, chỉ được đăng ký những ngành nghề không bị cấm; đối với các ngành nghề có điều kiện thì phải đáp ứng quy định này.
- ◆ Về tên gọi, chủ hộ có thể dùng tên hoặc không dùng tên. Trường hợp dùng tên thì tên đó không được trùng với tên của HKD đã đăng ký trong phạm vi cấp huyện.

◆ Thủ tục ĐKKD

- ◆ **Người đại diện của HKD thực hiện việc ĐKKD tại phòng ĐKKD cấp huyện;**
- ◆ **Người đại diện HKD gửi đơn đề nghị ĐKKD kèm theo bản sao CCMND đến CQĐKKD nơi đặt địa điểm KD;**
 - ✓ Nội dung giấy đề nghị ĐKKD gồm: tên HKD, địa chỉ, địa điểm; ngành nghề; số vốn; họ, tên, số và ngày cấp GCMND, địa chỉ nơi cư trú và chữ ký của người đại diện.
 - ✓ Đối với ngành nghề phải có chứng chỉ hành nghề và hoặc phải có vốn pháp định thì phải đáp ứng các yêu cầu đó.
 - ✓ CQĐKKD không được yêu cầu người đăng ký nộp thêm bất cứ giấy tờ nào khác.



◆ Thủ tục ĐKKD (tt)

- ◆ **Nộp lệ phí;**
- ◆ **Trao giấy biên nhận cho người đăng ký trong thời hạn 5 ngày;**
- ◆ **Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận đơn, trao giấy biên nhận, CQĐKKD cấp GCNĐKKD nếu HSĐKKD đầy đủ và hợp lệ; nếu từ chối thì phải trả lời có nêu rõ lý do;**
- ◆ **Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày cấp GCNĐKKD, CQĐKKD phải gửi bản sao cho cơ quan thuế cùng cấp và sở chuyên ngành.**

Hộ kinh doanh có quyền kinh doanh kể từ khi được cấp GCN.

◆ HKD có thể bị thu hồi GCNĐKKD trong các trường hợp:

- Không tiến hành HĐKD trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được cấp GCNĐKKD;
- Ngừng HĐKD quá 60 ngày liên tục mà không thông báo với CQĐKKD;
- Chuyển địa điểm sang địa bàn cấp huyện khác mà chưa được phép;
- KD ngành nghề bị cấm.

